

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 04 – 9 – 2024

Về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Nguyễn Hữu Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2808/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 7 năm 2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 3123/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm H, sinh năm 1995; (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (nhận các văn bản tố tụng):

Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977. Địa chỉ: 3 ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn N1, sinh năm 1994; (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H trình bày như sau:

Chị Lê Thị Diễm H với anh Lê Văn N1 kết hôn với nhau vào ngày 19/02/2016 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau không có tiếng nói chung. Chị thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn với nhau. Tình cảm vợ chồng trong cuộc sống chung không thể nào kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn N1.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Lê Thị Diễm H với anh Lê Văn N1 có một con chung tên Lê Gia H1, sinh ngày 26/5/2021, cháu hiện đang sống cùng anh N1. Chị H yêu cầu được nuôi cháu H1 không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn N1 trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Diễm H về thời gian kết hôn; thời gian chung sống với nhau và con chung, tài sản chung; nợ chung. Tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nhưng do chị Lê Thị Diễm H tự bỏ nhà ra đi bỏ con lại cho anh N1 nuôi và có đơn ly hôn với anh nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Lê Thị Diễm H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Lê Văn N1 với chị Lê Thị Diễm H có một con chung tên là Lê Gia H1, sinh ngày 26/5/2021, cháu H1 hiện đang

sống cùng anh N1. Anh N1 yêu cầu được nuôi cháu H1 không yêu cầu chị Lê Thị Diễm H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Diễm H và anh Lê Văn N1.

Về nuôi con chung: Anh Lê Văn N1 được trực tiếp nuôi cháu Lê Gia H1, sinh ngày 26/5/2021 (cháu H1 hiện đang trực tiếp sống chung với anh Lê Văn N1); Chị Lê Thị Diễm H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn N1 không yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền

được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên chị H, anh N1 Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Lê Thị Diễm H và anh Lê Văn N1 cũng thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nên Tòa án không giải quyết. Nếu các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện tranh chấp khác về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/5/2024, nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị Diễm D được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Gia H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Lê Văn N1 không đồng ý kháng cáo của chị Lê Thị Diễm H và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H; Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 50/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có

kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Lê Thị Diễm H, nhận thấy

[1] Chị Lê Thị Diễm H và anh Lê Văn N1 có 01 con chung là cháu Lê Gia H1, sinh ngày 26/5/2021, cháu hiện đang sống chung với anh N1. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu H1, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng. Anh N1 không đồng ý và có yêu cầu được nuôi cháu H1, anh N1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

[2] Xét thấy, hiện nay cháu Lê Gia H1 được anh N1 và ông bà nội nuôi dưỡng. Giấy xác nhận ngày 17/5/2024 (BL35) trưởng ấp T xác nhận: *“Đến thời điểm 11/11/2023 chị Lê Thị Diễm H bỏ đi, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Chị Lê Thị Diễm H không quan tâm và điện thoại hỏi thăm cháu. Hiện bé Lê Gia H1 học từ ngày 28/11/2023 cho đến nay ở trường M. Bé học rất ngoan, sức khỏe tốt”*. Chị H cho rằng chị đang kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh có thu nhập đủ điều kiện để nuôi cháu H1, tuy nhiên chị H chưa có nơi ở ổn định (còn ở nhà thuê), nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng không có xác nhận rõ ràng. Anh Lê Văn N1 hiện nay có chỗ ở ổn định và có nghề nghiệp, thu nhập ổn định. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H thừa nhận khi chị về thăm con, chị thấy anh N1 nuôi con tốt, cho nên giao cháu H1 cho anh N1 chăm sóc nuôi dưỡng sẽ đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần. Căn cứ vào Án lệ số 54/2022/AL ngày 07/9/2022 về xác định quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi trong trường hợp người mẹ không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặc dù, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Con dưới 36 tháng*

tuổi phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”, nhưng chị H đã không nuôi cháu H1 từ khi cháu mới 21 tháng tuổi. Hiện tại, cháu H1 đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh N1 nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất; nếu giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét một cách toàn diện, để cho anh Lê Văn N1 tiếp tục nuôi cháu Lê Gia H1 là có căn cứ. Chị H kháng cáo yêu cầu được quyền nuôi con nhưng kháng cáo của chị H không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Diễm H; Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Án lệ số 54/2022/AL ngày 07/9/2022; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Diễm H và anh Lê Văn N1.

2. Về con chung: Anh Lê Văn N1 được trực tiếp nuôi cháu Lê Gia H1, sinh ngày 26/5/2021 (cháu H1 hiện đang trực tiếp sống chung với anh Lê Văn N1); Chị Lê Thị Diễm H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn N1 không yêu cầu cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên chị H, anh N1 Tòa án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Diễm H và anh Lê Văn N1 cùng thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án không giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết.

Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Diễm H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002398 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

6. Về án phí phúc thẩm: Chị Lê Thị Diễm H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004653 ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Chị H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Ngọt